

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch
& Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009,
Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/08/2023)*

- Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/08/2023.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Nhà máy nước Sóc Trăng được thành lập vào năm 1964 (tên gọi là Công quản Nhà máy nước Khánh Hưng), công suất ban đầu là 3.000 m³/ngày đêm từ nguồn nước mặt của kênh Ô Ven qua Chợ Vung Thơm vào Hồ Nước Ngọt, được quản lý và điều hành bởi một Hội đồng Công quản.
- Đến năm 1968, hình thành thêm hai Nhà máy nước Mỹ Xuyên và Phú Tâm cung cấp vòi nước công cộng và chủ yếu vận hành bơm nước bằng máy nổ.
- Năm 1972, đổi tên là Trung tâm Cấp thủy trực thuộc Quốc gia sản cấp Thủy cục do Bộ Công chánh chế độ Sài Gòn cũ quản lý.
- Đến năm 1992, Nghị quyết Quốc hội chia Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Từ Xí nghiệp Cấp nước, được UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định nâng lên thành Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng. Bước đầu mới thành lập gồm có Nhà máy nước Thị xã công suất 8.000 m³/ngày đêm và 03 Chi nhánh huyện trực thuộc Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Vĩnh Châu với tổng số vốn ban đầu là một tỷ tám trăm triệu đồng, tổng số hộ được cấp nước là 4.350 hộ.
- Đầu năm 2010, Công ty Cấp nước Sóc Trăng được chuyển thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng kể từ ngày 01/01/2010 do Nhà nước sở hữu 100% vốn (theo Quyết định số 560/QĐTC-CTUBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

- Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

- Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất vào ngày 28/12/2017 và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/08/2023, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
2.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (<i>ngành chính</i>)	3600
3.	Sản xuất khai thác chưa phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Chế tạo thiết bị ngành nước;	3290
4.	Sản xuất điện <i>Chi tiết:</i> Điện mặt trời;	3511
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết:</i> Bán vật tư, thiết bị ngành nước;	4663
6.	Xây dựng nhà để ở;	4101
7.	Xây dựng nhà không để ở;	4102
8.	Xây dựng công trình đường sắt;	4211
9.	Xây dựng công trình đường bộ;	4212
10.	Xây dựng công trình thủy;	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng;	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết:</i> Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;	4299
14.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;	4322
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết:</i> Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;	4610
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Bán hóa chất ngành nước trừ hóa chất nhà nước cấm;	4669
18.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> Đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa;	5229

STT	Ngành nghề	Mã ngành
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;	6810
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản. <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
23.	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết:</i> Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;	7020
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. <i>Chi tiết:</i> Dịch vụ kiểm định đo lường đồng hồ nước;	7120
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh; - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	8299

SOCTRANGWACO cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là thành phố Sóc Trăng và trung tâm các huyện, thị xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên;
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên;
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc: 03 thành viên;
 - + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
 - + Các phòng, xí nghiệp nghiệp vụ: 07 đơn vị;
 - + Các Xí nghiệp cấp nước trực thuộc: 11 đơn vị.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty, với các thông tin

- Tên công ty: **Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng**
- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013
- Vốn điều lệ: 41.600.000.000 (*Bốn mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng*)
- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển ngày càng lớn mạnh.
- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trong toàn tỉnh Sóc Trăng.
- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm so với năm trước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư xây dựng các nhà máy, cụm xử lý, nâng cấp các nhà máy nước để bổ sung nguồn nước cho khu vực tỉnh Sóc Trăng và các vùng lân cận.
- Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa, vệ sinh mạng lưới cấp nước.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước (*nước mặt và nước ngầm*), tiết kiệm năng lượng, sử dụng máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường,...
- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án.
- Công tác sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong địa bàn tỉnh đã buộc công ty phải chịu chi phí di dời các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước. Ngoài ra tỷ lệ thất thoát nước cũng gây thiệt hại không nhỏ đến công ty, nguyên nhân như các sự cố vỡ ống, sử dụng một phần nước cho việc súc xả vệ sinh đường ống nước và các sự cố rò rỉ tại các mối nối của mạng lưới đường ống.
- Nguồn nước ngầm hiện đang dần cạn kiệt, bên cạnh đó nguồn nước mặt cũng bị ô nhiễm, tình hình biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó hiện tượng xâm nhập mặn đến sớm hơn và diễn ra ngày càng trầm trọng tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Điều đó gây ảnh hưởng đến nguồn nước cung cấp của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- M³ nước thương phẩm: 22.345.528 m³, đạt tỷ lệ 98,9% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 3,7% so với năm 2022.

- Tổng doanh thu: 219.166.470.584 đồng, tăng 5,7% so với năm 2022 và đạt 101% so với kế hoạch.

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 204.362.206.187 đồng, chiếm 93,25%
- + Doanh thu lắp đặt: 2.879.975.165 đồng, chiếm 1,31%
- + Doanh thu nước đóng chai: 3.697.720.186 đồng, chiếm 1,69%
- + Doanh thu khác: 20.300.141 đồng, chiếm 0,01%
- + Doanh thu tài chính : 6.418.614.627 đồng, chiếm 2,93%
- + Thu nhập khác : 1.787.654.278 đồng, chiếm 0,82%

- Lợi nhuận sau thuế: 50.501.586.964 đồng, đạt tỷ lệ 148,5% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 41,4% so với 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành (số liệu tính đến hết ngày 31/12/2023)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngộ	Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	1.292.113
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1972	Kỹ sư Cấp thoát nước, Cử nhân Luật	3.893.768
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	1977	Thạc sĩ kỹ thuật quy hoạch và quản lý hệ thống công trình; Kỹ sư Thủy Lợi	0
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	3.894.967
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật	200

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ CNV-LĐ (số liệu tính đến hết ngày 31/12/2023)

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	297	100%
- Trên đại học	05	1,7%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
- Đại học, cao đẳng	143	48,1%
- Trung cấp	43	14,5%
- Trình độ Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	106	35,7%
II. Phân theo hợp đồng lao động	297	100%
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	295	99,33%
- Hợp đồng xác định thời hạn (dưới 36 tháng)	02	0,67%

2.4. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ;

- Công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Mạng lưới

TT	Tên dự án/công trình
1	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường N4 Khu công nghiệp An Nghiệp - TP. Sóc Trăng
2	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 934B, từ Khu CN Trần Đề đến Công an huyện - Trần Đề
3	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường D4 Khu công nghiệp An Nghiệp - TP. Sóc Trăng
4	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường dọc kênh 3/2, phường 9, TP. Sóc Trăng (đoạn đường đất cạnh hàng rào Bệnh viện)

b. Xây dựng:

TT	Tên dự án/công trình
1	Cải tạo sửa chữa sân phơi bùn - XN Phú Lợi
2	Hàng rào, sân đường nội bộ - Trạm cấp nước Hưng Lợi
3	Nhà đặt máy ép bùn - NMN Khu Công nghiệp An Nghiệp
4	Hàng rào lưới B40 giếng TĐ4 - XN Trần Đề
5	Cải tạo sửa chữa sân nền và nhà vệ sinh Trạm cấp nước Hải Ngư
6	Cải tạo sửa chữa mái tôn Nhà hoá chất - NMN Mỹ Xuyên 1

TT	Tên dự án/công trình
7	Lắp đặt tủ tụ bù sau điện kế Trạm cấp nước TT GDNN & GDTX huyện Kế Sách
8	Cải tạo sửa chữa nhà điều hành, trạm bơm, hồ lắng, nhà kho, nhà hoá chất, bể chứa nước sạch, hàng rào, sân nền và đường ống công nghệ nhà máy - NMN Mỹ Xuyên 1
9	Cải tạo sửa chữa nhà điều hành, trạm bơm - hồ lắng, nhà hoá chất, hàng rào, sân nền và đường ống công nghệ nhà máy - NMN Mỹ Xuyên 2
10	Sửa chữa, sơn văn phòng công ty; Sửa chữa, sơn văn phòng, khu xử lý sắt, bể lắng và bể chứa XNCN Nguyễn Chí Thanh
11	Sửa chữa, sơn văn phòng làm việc, nhà nghỉ công nhân Thạnh Trị và Hưng Lợi

c. Công nghệ, nhà máy

TT	Tên dự án/ công trình
1	Giếng khoan khai thác LHT4 - Trạm Lịch Hội Thượng
2	Giếng quan trắc QT.6A - Nguyễn Chí Thanh
3	Giếng quan trắc QT.9 - Nguyễn Chí Thanh
4	Giếng quan trắc QT.G19 - Phú Lợi
5	Lắp đặt công nghệ giếng TĐ5 - XN Trần Đề
6	Giếng khoan khai thác TĐ5 - XN Trần Đề
7	Cải tạo, thay thế máy bơm ly tâm trực ngang 500m ³ /h (90Kw) và hệ thống điều khiển tại Trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước Nguyễn Chí Thanh

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Chưa nhận được báo cáo từ đơn vị liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2022- 31/12/2022	Từ 01/01/2023- 31/12/2023	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	229.990.350.531	273.165.734.324	18,8%
- Doanh thu thuần	203.527.992.874	210.960.201.679	3,7%
- Lợi nhuận kinh doanh	42.270.150.646	55.659.864.179	31,7%
- Lợi nhuận khác	2.286.900.666	1.399.724.835	-38,8%
- Lợi nhuận trước thuế	44.557.051.312	57.059.589.014	28,1%
- Lợi nhuận sau thuế	35.703.159.180	50.501.586.964	41,4%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2022- 31/12/2022	Từ 01/01/2023- 31/12/2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,9	5,0
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,6	4,7
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	17,8%	12,3%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,6%	14,0%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,4	10,0
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,9	0,8
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,5%	23,9%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,9%	21,1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,5%	18,5%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,8%	26,4%

5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ/điều lệ (%)
1. Tự do chuyển nhượng	15.743.801	157.438.010.000	99,25%
2. Hạn chế chuyển nhượng, trong đó	119.332	1.193.320.000	0,75%
- Cổ phần do tổ chức Công đoàn cơ sở sở hữu (không được phép chuyển nhượng)	7.932	79.320.000	0,05%
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài	111.400	1.114.000.000	0,70%
Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2023, cơ cấu cổ đông như sau:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	Trong nước	15.863.133	158.631.330.000	100%
1	Cổ đông nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49%
2	Cổ đông tổ chức nắm giữ	3.021.145	30.211.450.000	19,045%
3	Cổ đông cá nhân nắm giữ	5.069.053	50.690.530.000	31,955%
II	Nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng		15.863.133	158.631.330.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		7.772.935	49,00%
2	Nghiêm Thị Lệ Hằng	019197010040	3.807.152	24%
3	Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam	0108307727	3.013.213	18,995%
4	Nguyễn Minh Phương	001084010700	809.101	5,1%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Javen, Clo (Clo bột 90%, Clo hạt 90%, Clo hạt 60%, Clo viên), PAC, Chất chống cặn, cát lọc, hạt xốp,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 10.455.710 kW

b. Điện năng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 20kW tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên, công suất 38,3kW tại Trạm cấp nước Hải Ngư và công suất 38,3kW tại Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị. Trong năm sử dụng khoảng 83.912kw từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới từ Công ty Điện lực.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng

Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống cấp nước đô thị gồm 24 Nhà máy, Trạm khai thác xử lý nước với tổng công suất được cấp phép khai thác là 97.770 m³/ngày đêm, gồm có 06 nhà máy tại thành phố Sóc Trăng, 03 nhà máy tại thị xã, 15 nhà máy tại các xã, thị trấn.

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và dân cư trên địa bàn, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước song song với việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước là mục tiêu hàng đầu. Công suất cấp nước vào mạng lưới hiện tại vào khoảng 70.000 m³/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước ngầm (89%) và nước mặt (11%), tổng số giếng khoan đang khai thác là 64 giếng (14 giếng tầng sâu và 50 giếng tầng nông) cung cấp nước sạch cho hơn 97.709 hộ khách hàng.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại công ty đang quản lý 24 nhà máy, trạm khai thác xử lý nước. Trong đó, có 08 nhà máy (Nhà máy Khu công nghiệp, Phú Lợi, Mỹ Xuyên 1, Mỹ Xuyên 2, Mỹ Xuyên 3, Mỹ Tú, Thạnh Trị, Kế Sách) vận hành quy trình xử lý nước tuần hoàn sau lọc, không xả thải ra môi trường. Tổng lượng nước được tái sử dụng khoảng 1.100m³/ngày, chiếm tỷ lệ 29,61% tổng lượng nước xử lý của toàn công ty.

6.4. Tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về tài nguyên nước: 0 đồng

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động: 297 người, mức thu nhập trung bình đối với người lao động là 10.000.000 đồng/người/tháng, tăng so với thu nhập năm 2022.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo

Trong năm, công ty đã cử nhiều đợt cán bộ, người lao động tham gia các buổi Hội thảo, tập huấn chuyên đề, các văn bản pháp luật, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: đăng ký với Ban Chỉ huy quân sự Thành phố Sóc Trăng tập huấn cán bộ tự vệ cơ quan cấp tỉnh và cấp thành phố năm 2023, lập danh sách cử thành viên tham gia Ban Chỉ huy Quân sự Ban quản lý các khu Công nghiệp năm 2023; Tổ chức tập huấn và tuyên truyền, phổ biến Luật Lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động và một số văn bản pháp luật liên quan cho người lao động; đầu năm 2023 đã tiến hành tổ chức Hội nghị đại biểu Người lao động năm 2023 để tuyên truyền, lắng nghe và đối thoại với người lao động; các buổi sinh hoạt, các khóa huấn luyện về PCCC&CNCH được tổ chức đầy đủ và đồng bộ, các khóa tập huấn về công tác tiền lương, thưởng Bảo hiểm xã hội như: tập huấn “Pháp luật lao động về tiền lương, thưởng, phúc lợi – Các biện pháp đảm bảo tuân thủ và thực hành tại các doanh nghiệp ngành nước”, Hội nghị tuyên truyền, đối thoại chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế, cử cán bộ tham dự Hội thảo về Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, tham dự buổi Hội nghị tập huấn phổ biến kiến thức về thị trường Chứng khoán,... cho người lao động do các cơ quan chức năng tổ chức. Qua đó giúp cho người lao động nâng cao kỹ năng, tay nghề và ứng dụng tốt trong công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cấp nước; đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng hộ dân được cung cấp nước sạch sử dụng.

Đồng thời trong năm 2023, Công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác đóng góp từ thiện xã hội. Vận động CB.CNV tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái như: đóng góp quỹ “Vi người nghèo”, “Mái ấm công đoàn”, “Phòng chống thiên tai”,... và tham gia tốt các phong trào thi đua do địa phương phát động.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng xâm nhập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng, đã gây tác động không nhỏ đến nguồn nước cung cấp, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty, một số chỉ tiêu chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn, công tác triển khai thực hiện các dự án và phát triển hệ thống cấp nước chưa đạt tiến độ đề ra. Ngoài ra, tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 nói chung và tình hình các doanh nghiệp năm 2023 nói riêng diễn ra trong bối cảnh phức tạp, nhiều khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen nhau. Nền kinh tế bị suy thoái, chi phí sản xuất kinh doanh, giá cả nguyên, nhiên vật liệu chi phí đầu vào trong sản xuất tăng cao,... Điều đó gây ảnh hưởng không nhỏ đối với tình hình kinh doanh của Công ty.

Tuy vậy, cùng với sự quyết tâm, đoàn kết và nỗ lực của tập thể người lao động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2023 với lợi nhuận đạt 148,5% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 41,4% so với năm 2022; các chế độ, chính sách, tiền lương của người lao động cũng được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2022- 31/12/2022	Từ 01/01/2023- 31/12/2023	Tỷ trọng 01/01/2022- 31/12/2022	Tỷ trọng 01/01/2023- 31/12/2023
- Tài sản ngắn hạn	116.671.930.476	163.988.048.915	50,7%	60,0%
- Tài sản dài hạn	113.318.420.055	109.177.685.409	49,3%	40,0%
Tổng tài sản	229.990.350.531	273.165.734.324	100%	100%

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 60,0% trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng đáng kể là đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn) của doanh nghiệp. Tại thời điểm 31/12/2023, đầu tư tài chính ngắn hạn là 127 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2022- 31/12/2022	Từ 01/01/2023- 31/12/2023	Tỷ trọng 01/01/2022- 31/12/2022	Tỷ trọng 01/01/2023- 31/12/2023
- Nợ ngắn hạn	40.089.814.052	32.687.110.881	98,1%	97,4%
- Nợ dài hạn	794.689.370	871.189.370	1,9%	2,6%
Tổng nợ phải trả	40.884.503.422	33.558.300.251	100%	100%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp bố trí lao động hợp lý; đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh; xây dựng quy chế khoán đối với các đơn vị trực thuộc nhằm tăng sự tự chủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị; tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng lưới phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ không bảo đảm chất lượng, gây thất thoát nước lớn.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến, ứng dụng khoa học công nghệ để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc lâu dài và xây dựng công ty ngày càng phát triển.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và thực hiện tốt các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua chế độ báo cáo định kỳ, lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển và mở rộng đa dạng ngành nghề kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, thất thoát cao...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (tính đến hết ngày 31/12/2023)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Quang Mãi	Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/8/2023	0	0	0	0%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2	Nguyễn Trọng Hiếu	Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/8/2023	0	0	0	0%
3	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT	7.900	0,05%	1.284.213	8,096%
4	Phan Vĩnh Tùng (đã miễn nhiệm từ ngày 24/8/2023)	TV. HĐQT	0	0	0	0%
5	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	7.300	0,046%	3.886.468	24,5%
6	Ong Hải Phước (được bổ nhiệm từ ngày 24/8/2023)	TV. HĐQT	8.500	0,054%	3.886.467	24,49%

1.2. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đồng thời nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành 15 Nghị quyết/Quyết định, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	18/01/2023	Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2022	100%
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	15/02/2023	Thực hiện chủ trương đầu tư Nhà máy nước theo Biên bản phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và theo Tờ trình số 45/TTr-CN ngày 08/2/2023 của Tổng giám đốc về việc đầu tư Nhà máy nước 200.000 m ³ / ngày đêm	60%
3	Nghị quyết số 02A/NQ-HĐQT	20/2/2023	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
4	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	11/4/2023	Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty	100%
5	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	07/6/2023	Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	29/6/2023	Chấp thuận đơn xin đi nước ngoài của Tổng giám đốc	100%
7	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	31/7/2023	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần I năm 2023	100%
8	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	22/8/2023	Chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án/ công trình phát sinh ngoài danh mục đầu tư năm 2023	100%
9	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT	24/8/2023	Miễn nhiệm và bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty	60%
10	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT	24/8/2023	Miễn nhiệm và công nhận chức danh thành viên HĐQT Công ty	100%
11	Quyết định số 10/QĐ-HĐQT	30/8/2023	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Trưởng Ban thư ký Công ty	60%
12	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	26/10/2023	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	100%
13	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	22/8/2023	Chấp thuận chủ trương đầu tư hạng mục cải tạo cụm xử lý nước mặt công suất 5.000 m ³ / ngày đêm cho NMN Nguyễn Chí Thanh và NMN KCN An Nghiệp và đầu tư các hệ thống xử lý Amoni, Mangan... cho các NMN trực thuộc	100%
14	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	12/12/2023	Chấp thuận chủ trương đầu tư hạng mục cải tạo cụm xử lý nước mặt công suất 5.000 m ³ / ngày đêm tại thị xã Ngã Năm	100%
15	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	29/12/2023	Chấp thuận Tờ trình số 476/TTr-CN ngày 21/12/2023 của TGD v/v chi tiền cho người lao động nhân dịp Tết Dương lịch 2024 và Tờ trình số 477/TTr-CN ngày 21/12/2023 của TGD v/v phê duyệt kinh phí mua quà nhân dịp Tết nguyên đán 2024	100%

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động theo điều lệ công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vũ Tiên Bộ	Trưởng ban	0	0	0	0
2	Trần Thanh Nhân (được bổ nhiệm từ ngày 01/09/2023)	Phó Trưởng ban	43.900	0,277%	0	0
3	Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	0	0	0	0
4	Liều Thu Trúc (đã miễn nhiệm từ ngày 31/8/2023)	Thành viên	0	0	0	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao phù hợp với quy định pháp luật;

- Trao đổi thông tin nội bộ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ;

- Tham gia với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Lương (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị		1.243.726.878	507.706.000
1	Nguyễn Quang Mão	Chủ tịch HĐQT	250.011.910	135.200.000
2	Nguyễn Trọng Hiếu	TV. HĐQT	255.679.238	372.506.000
3	Đặng Văn Ngộ	TV. HĐQT	246.011.910	
4	Trần Anh Hòa	TV.HĐQT	246.011.910	
5	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT (đã miễn nhiệm từ ngày 24/08/2023)	174.011.910	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Lương (VNĐ)
6	Ong Hải Phước	TV.HĐQT (được bổ nhiệm từ ngày 24/08/2023)	72.000.000	
II	Ban kiểm soát		609.363.439	68.724.337
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	310.163.221	
2	Liễu Thu Trúc	Thành viên BKS (đã miễn nhiệm từ ngày 31/08/2023)	115.081.611	
3	Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên BKS	144.118.607	
4	Trần Thanh Nhân	Thành viên BKS (được bổ nhiệm từ ngày 01/09/2023)	40.000.000	68.724.337
III	Ban Tổng Giám đốc			1.632.233.600
1	Đặng Văn Ngộ	Tổng Giám đốc		495.180.000
2	Trần Anh Hòa	Phó TGD		415.951.200
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó TGD		305.151.200
4	Ong Hải Phước	Phó TGD		415.951.200

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển nhượng, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Hawaco	Cổ đông chiến lược	6.345.253	40%	0	0%	Bán
2	Nghiêm Thị Lệ Hằng	Cổ đông lớn	0	0%	3.807.3512	24%	Mua
3	Nguyễn Minh Phương	Cổ đông lớn	0	0%	2.538.101	16%	Mua
4	Nguyễn Minh Phương	Cổ đông lớn	2.538.101	16%	809.101	5,101 %	Bán
5	Công ty cổ phần VBIC Việt Nam	Cổ đông lớn	1.284.213	8,096%	3.013.213	18,99 5%	Mua

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển nhượng, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
6	Đặng Như Ý	Con gái ông Đặng Văn Ngộ	98.100	0,618%	218.000	1,374 3%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng	Mua nước sạch, điện	16.247.847.821

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 21/03/2024 được đăng tải trên trang web công ty và được công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Kính báo cáo đến Quý cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HDQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, HC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Ngộ